TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST
Ngày 09-8-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Huyền;

2. Bà Nguyễn Thị Thân.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Huỳnh Như, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** ông Nguyễn Út Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1981;

Cư trú tại: Tổ 18, ấp Đ, xã V, huyện B, tỉnh N, có mặt.

Bị đơn: anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1980;

Cư trú tại: Tổ 18, ấp Đ, xã V, huyện B, tỉnh N, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 3 năm 2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh N vào năm 2003. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, cho đến năm 2011 thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên gây gổ cãi nhau, nguyên nhân do anh P uống

rượu, không chăm lo làm ăn để lo cho gia đình. Chị N nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh P không thay đổi, từ năm 2018 đến nay mặc dù vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do đó, chị yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: chị và anh P có hai con chung tên Nguyễn Lưu A, sinh ngày 03-3-2000 và Nguyễn Lưu H, sinh ngày 01-6-2007; chị giao cháu H cho anh P nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu A đã trên 18 tuổi, có khả năng tự lao động nuôi sống được bản thân nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: chị không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 14 tháng 4 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn P trình bày:

Anh thống nhất lời trình bày của chị Nguyễn Thị N về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Anh không đồng ý ly hôn với chị N vì mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng, anh thừa nhận có uống rượu nhưng không bê tha, không đi làm như chị N trình bày, nguyên nhân vợ chồng cãi nhau là do chị N thay đổi tính tình. Do đó, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy các con.

Về con chung: anh thống nhất với lời trình bày của chị N về con chung là đúng. Nếu tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, thì anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu A đã trên 18 tuổi, có khả năng tự lao động nuôi sống được bản thân nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: anh không yêu cầu giải quyết.

*** Tại phiên toà sơ thẩm:**

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: chị yêu cầu ly hôn với anh P; giao cháu Nguyễn Lưu H, sinh ngày 01-6-2007 cho anh P nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Lưu A, sinh ngày 03-3-2000 đã trên 18 tuổi, có khả năng tự lao động nuôi sống được bản thân nên chị không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung và nợ chung, chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn P: có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: từ khi vụ án thụ lý, quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

+ Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N về việc ly hôn đối với anh Nguyễn Văn P.

+ Về con chung: giao cháu Nguyễn Lưu H, sinh ngày 01-6-2007 cho anh Nguyễn Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận anh P không yêu cầu chị Nguyễn Thị N cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Nguyễn Lưu A, sinh ngày 03-3-2000 đã trên 18 tuổi nên chị N, anh P không yêu cầu giải quyết

+ Về tài sản chung, nợ chung: chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Nguyễn Văn P là bị đơn trong vụ án, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh P.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn P chung sống với nhau năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh N theo giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyển số 01 ngày 23-4-2003 (bút lục số 10). Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân giữa chị N và anh P hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh P, thấy rằng: quá trình giải quyết vụ án, anh P không đồng ý ly hôn với lý do giữa vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn trầm trọng và anh cũng không rượu chè, bê tha như chị N trình bày. Kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương nơi chị N, anh P sinh sống thể hiện chị N, anh P chung sống với nhau bình thường tại địa phương, vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn trầm trọng phải trình báo địa phương để giải quyết lần nào; anh P thỉnh thoảng có uống rượu nhưng vẫn đi làm, không quậy phá gia đình hay đánh đập vợ con. Tại phiên tòa, chị N thừa nhận anh P đi làm có đưa một phần tiền công cho chị để chăm lo cho gia đình, sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn mặc dù vợ chồng sống ly thân nhưng thỉnh thoảng chị vẫn lo cơm nước cho anh P. Xét thấy, chị N yêu cầu ly hôn với anh P nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh anh P có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do

đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N về việc ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

2.2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: do yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N không được chấp nhận nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Nguyễn Văn P.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0003772 ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn P vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- PKTNV TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thúy